QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS Phạm Văn Hùng
Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Tóm tắt: *Làm rõ vai trò của thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ (NVKH&CN) đối với hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học. Trình bày thực trạng triển khai các văn bản quản lý nhà nước trong công tác thu thập, đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin về NVKH&CN. Giới thiệu những quy định mới đối với hoạt động thu thập, đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin về NVKH&CN trong Luật KH&CN 2013, Nghị định số 11/2014/NĐ-CP về hoạt động thông tin KH&CN. Đưa ra giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với thông tin về NVKH&CN các cấp.*

Từ khóa: nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đề tài nghiên cứu; quản lý nhà nước; nghiên cứu khoa học; kết quả nghiên cứu; công trình nghiên cứu; lưu giữ thông tin; cung cấp thông tin.

State management of information on S&T projects: The current state and solutions

Summary: *Clarity the role of information on S&T tasks in management and scientific research activities; informs the real state of implementation of state management documents in collecting, registering, preserving and using information on S&T tasks; presents new related regulations in 2013 S&T Law, Decree Nr 11/2014/NĐ-CP on S&T information; sets forth solutions to intensifying state management of information on S&T tasks at all levels.*

Keywords: S&T tasks; research project; state management; scientific research; research results; research works; information preservation; information supply.

Mở đầu

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Luật KH&CN số 29/2013/QH13 [1] là *"những vấn đề KH&CN cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển KH&CN"*. NVKH&CN bao gồm nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, ngành, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) và cấp cơ sở, được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu và các hình thức khác như điều tra cơ bản, nhiệm vụ theo nghị định thư,…

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của Bộ KH&CN [5], trong giai đoạn từ năm 2006 đến nay, Nhà nước đã đầu tư 14.837,629 tỷ đồng để thực hiện 28.704 NVKH&CN cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh. Tính trung bình mỗi năm Nhà nước đầu tư khoảng gần 2.500 tỷ đồng để thực hiện khoảng 5.200 NVKH&CN cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh

(chưa kể số nhiệm vụ và kinh phí cho việc thực hiện các NVKH&CN cấp cơ sở và các NVKH&CN các cấp thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng). Sự đầu tư của Nhà nước là như vậy, nhưng hiệu quả đầu tư ra sao đang là câu hỏi lớn đối với nhà quản lý. Hàng loạt vấn đề được đặt ra như: Trong mỗi cơ quan, mỗi cấp quản lý nói riêng và phạm vi cả nước nói chung có những NVKH&CN nào đang được thực hiện, tính khoa học và tính thực tiễn của các nhiệm vụ này ra sao, vấn đề tránh nghiên cứu trùng lặp được giải quyết như thế nào, làm sao để có thể tiếp cận được đầy đủ và chính xác thông tin về các NVKH&CN, kết quả việc ứng dụng các NVKH&CN ở các cấp Bộ, ngành, địa phương như thế nào,... Đó không chỉ là bài toán riêng của mỗi ngành, mỗi địa phương mà là bài toán chung của tất cả các cấp quản lý thuộc mọi lĩnh vực trong cả nước.

Để góp phần cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi nêu trên, bài viết này xin đề cập đến một vấn đề có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ quá trình của NVKH&CN, từ khâu xác định NVKH&CN đến quá trình thực hiện và cuối cùng là việc đánh giá hiệu quả NVKH&CN được ứng dụng trong thực tiễn. Đó là công tác quản lý thông tin về NVKH&CN.

1. Thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với thông tin về nhiệm vụ KH&CN

1.1. Xác định nhiệm vụ KH&CN

Xác định NVKH&CN là giai đoạn đầu tiên, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề về KH&CN được đặt ra. Mặc dù hành lang pháp lý cho việc xác định các NVKH&CN trong những năm gần đây đã được củng cố và cụ thể hóa, tuy nhiên vẫn tồn tại những mặt hạn chế nhất định như: tính thực tiễn của nhiệm vụ chưa cao, cá nhân thực hiện nhiệm vụ còn yếu về năng lực, nhiệm vụ được phê duyệt còn trùng lặp,… Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là do thiếu thông tin về những NVKH&CN đã được triển khai và đang được tiến hành. Hiện tại chúng ta chưa có cơ sở dữ liệu (CSDL) đầy đủ và toàn diện về các NVKH&CN đã được phê duyệt và triển khai thực hiện. Kết quả là nhà quản lý và nhà khoa học đều không có đủ thông tin cho việc xác định tính trùng lặp của NVKH&CN trước phê duyệt.

1.2. Thu thập và phổ biến thông tin về các nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành

Công tác thu thập, quản lý thông tin về các NVKH&CN đã được phê duyệt và đang trong giai đoạn tiến hành là nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học giúp nắm bắt đầy đủ tình hình phê duyệt và cho tiến hành các NVKH&CN một thời điểm nhất định, để từ đó xây dựng hướng nghiên cứu triển khai các NVKH&CN cụ thể cho từng cấp ở Bộ, ngành cũng như ở từng địa phương, tránh hiện tượng nghiên cứu trùng lặp và tận dụng tối đa kết quả các NVKH&CN đã được triển khai. Tuy nhiên, từ thực tế cho thấy, vấn đề quản lý thông tin về các NVKH&CN đang tiến hành tại các cấp thuộc Bộ, ngành cũng như địa phương trong những năm vừa qua chưa được thực hiện một cách đầy đủ và kịp thời dẫn đến tình trạng đơn vị quản lý không kiểm soát được đầy đủ thông tin về các NVKH&CN đã được phê duyệt và đang trong giai đoạn tiến hành. Điều này làm cho người dùng tin (chủ yếu là nhà quản lý và nhà nghiên cứu) không có được những thông

tin cần thiết làm cơ sở định hướng nghiên cứu và triển khai các NVKH&CN cụ thể. Nguyên nhân của tình trạng này là chưa có những quy định có tính chất pháp lý về việc báo cáo danh mục và tình hình phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện các NVKH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

Thực tế trước đây chúng ta đã có quy định về đăng ký NVKH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (Quyết định số 271/QĐ, ngày 06/6/1980 của Chủ nhiệm Ủy ban KHKT Nhà nước, nay là Bộ KH&CN). Trên cơ sở quy định về đăng ký NVKH&CN, ngay từ năm 1985 Viện Thông tin Khoa học và Kỹ thuật Trung ương đã tiến hành xây dựng CSDL về NVKH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Tuy nhiên do Luật KH&CN năm 2000 không quy định việc đăng ký NVKH&CN có sử dụng NSNN (chỉ đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện NVKH&CN có sử dụng NSNN) nên CSDL này đã bị dừng lại. Nhận thấy được tầm quan trọng của vấn đề này, từ năm 2006, Cục Thông tin KH&CN quốc gia đã khôi phục lại việc xây dựng CSDL về NVKH&CN.

Đến nay, CSDL này đã có gần 10.000 biểu ghi, trong đó có khoảng 500 NVKH&CN cấp Nhà nước. Hàng năm, CSDL này được cập nhật thêm khoảng 1.000 - 1.500 biểu ghi và cho phép truy cập trực tuyến thông qua địa chỉ: http://www.vista.gov.vn/. Trong quá trình thu thập thông tin về các NVKH&CN, bên cạnh những khó khăn về quy định pháp lý, cơ chế về tài chính, Cục Thông tin KH&CN quốc gia cũng gặp không ít khó khăn, đặc biệt là những khó khăn liên quan đến sự phối hợp của các đầu mối tại các bộ, ngành khi chưa có văn bản quy định cụ thể cho vấn đề này.

1.3. Thu thập, lưu giữ và sử dụng thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Ngay từ đầu thập niên 80 của thế kỷ 20, Nhà nước đã ban hành quy định về chế độ đăng ký và nộp báo cáo kết quả thực hiện NVKH&CN, cụ thể là Quyết định số 271-QĐ ngày 06/6/1980 của Uỷ ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước Quy định về đăng ký nhà nước đối với đề tài và nộp báo cáo kết quả nghiên cứu, kèm theo đó là Thông tư số 648/THKH ngày 06/6/1980 của Uỷ ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước hướng dẫn thi hành Quy định trên. Sau Luật KH&CN số 21/2000/QH10 [2], Bộ KH&CN đã ban hành Quy chế đăng ký, giao nộp và lưu giữ kết quả thực hiện NVKH&CN kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN [6] (được sửa đổi bổ sung bằng các Thông tư số 04/2011/TT-BKHCN [7]; Thông tư số 13/2012/TT-BKHCN [8]). Mặc dù vậy, việc chấp hành những quy định trên vẫn chưa được thực hiện một cách nghiêm túc ở tất cả các cấp, gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, lưu giữ, thống kê và phục vụ thông tin về các NVKH&CN. Theo thống kê của Cục Thông tin KH&CN quốc gia (đơn vị được giao nhiệm vụ đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện NVKH&CN cấp quốc gia và cấp bộ, ngành), tỷ lệ đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện NVKH&CN cấp quốc gia và cấp bộ, ngành từ khi có Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN đến nay chỉ chiếm khoảng 70% và tỷ lệ này đối với các NVKH&CN được thực hiện ở địa phương chỉ đạt khoảng 50% [10]. Một trong những nguyên nhân của việc chưa chấp hành nghiêm túc Quy chế đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện NVKH&CN là công tác kiểm tra và giám sát đối với hoạt động đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện NVKH&CN

trong thời gian qua vẫn chưa được thực hiện tốt ở tất cả các cấp quản lý trong cả nước.

Mặc dù còn một số hạn chế, song việc đăng ký, lưu giữ và phục vụ thông tin đối với kết quả thực hiện NVKH&CN cấp Nhà nước và cấp Bộ, theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN đã có những kết quả đáng kể. Tính đến hết 2013 Cục Thông tin KH&CN quốc gia, là cơ quan đăng ký đối với các NVKH&CN cấp Nhà nước và cấp Bộ, đã tiếp nhận, xử lý thông tin đưa vào CSDL Kết quả nghiên cứu trên 13.000 báo cáo kết quả thực hiện NVKH&CN. Trung bình mỗi năm, CSDL này cập nhật thêm từ 650 - 800 nhiệm vụ. Đối với NVKH&CN cấp tỉnh, theo số liệu thống kê năm 2011 [11] của Cục Thông tin KH&CN quốc gia, hiện có khoảng trên 15.000 báo cáo kết quả thực hiện NVKH&CN đang được lưu giữ và quản lý tại các địa phương. Tuy nhiên, con số trên chưa phản ánh đầy đủ toàn bộ nhiệm vụ đã được thực hiện ở cấp này. Theo Báo cáo của Bộ KH&CN gửi Văn phòng Quốc hội, chỉ tính từ năm 2006 đến nay, tổng số nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện đã lên tới 10.286 nhiệm vụ [5].

Theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN, báo cáo kết quả thực hiện NVKH&CN cấp tỉnh, thành phố và cấp cơ sở phải được đăng ký, lưu giữ tại sở KH&CN của tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay công tác lưu giữ và cung cấp thông tin về kết quả thực hiện NVKH&CN tại một số địa phương vẫn đang gặp nhiều khó khăn, thể hiện ở một số mặt như: Không có đơn vị chịu trách nhiệm về lưu giữ; nhiều nơi lưu giữ không đầy đủ và liên tục; báo cáo kết quả nghiên cứu không được bảo quản tốt, chưa xây dựng công cụ lưu giữ khai thác thông tin,… Để khắc phục tình trạng này, năm 2011 Bộ KH&CN giao cho Cục Thông tin KH&CN quốc gia thực hiện nhiệm vụ "Xây dựng và phát triển Hệ thống thông tin nghiên cứu và phát triển Việt Nam" [9]. Theo đó, thông tin về các báo cáo kết quả NVKH&CN cấp tỉnh do các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương thực hiện được thu thập và xử lý vào CSDL; các báo cáo KQNC được số hóa tập trung tại Cục để tạo ra các bản sao dạng điện tử phục vụ lưu giữ và khai thác lâu dài. Tính đến nay CSDL này đã tập hợp được trên 12.000 biểu ghi về báo cáo của 62 tỉnh, thành phố trên cả nước.

1.4. Thông tin về tình hình ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KH&CN trong thực tiễn

Công tác thông tin về kết quả ứng dụng kết quả sử dụng công trình nghiên cứu khoa học vào thực tiễn cho đến nay vẫn chưa được triển khai một cách có hệ thống dẫn đến tình trạng cả nhà quản lý và nhà nghiên cứu đều thiếu thông tin. Trong thực tế, có thể thấy rằng việc thông tin về tình hình ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là công việc hết sức khó khăn bởi một số lý do sau:

Thứ nhất: NVKH&CN bao gồm nhiều loại hình khác nhau, nghiên cứu nhiều lĩnh vực khác nhau nên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế là không giống nhau. Đặc biệt, kết quả của những nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản gần như không áp dụng được vào thực tế trong tương lai gần.

Thứ hai: Đặc thù của công tác nghiên cứu khoa học là tính rủi ro rất cao, đặc biệt là đối với những nhiệm vụ nghiên cứu mang tính thử nghiệm. Do vậy, thật khó để xác định giá trị của công trình nghiên cứu trong khi mức độ rủi ro vẫn chưa được kiểm soát.

Thứ ba: Các vấn đề liên quan đến độ tin

cây, mức độ đầy đủ, cập nhật của các báo cáo ứng dụng; việc xác định các đối tượng thực hiện báo cáo gửi, nhận và xử lý báo cáo; việc thanh tra, kiểm tra thực tế,… được xem là những công việc khó khăn đối với nhà quản lý và những người thực hiện ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương.

Vì những khó khăn như vậy, để có thể thực hiện tốt công tác này, cần thiết xây dựng hành lang pháp lý với những hướng dẫn đầy đủ, chi tiết và có sự vào cuộc có trách nhiệm của các cấp quản lý, các tổ chức cá nhân trong cả nước.

2. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với thông tin về nhiệm vụ KH&CN

Xuất phát từ thực trạng và những tồn tại nêu trên, việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với thông tin về NVKH&CN là hết sức cần thiết. Để công tác thông tin về NVKH&CN thực sự trở thành công cụ đắc lực trong mọi lĩnh vực, cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

2.1. Củng cố và hoàn thiện hành lang pháp lý

Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc thu thập, lưu giữ, khai thác và phổ biến thông tin về NVKH&CN là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Luật KH&CN năm 2013 về cơ bản đã tạo dựng được khung pháp lý vững chắc trong việc quản lý NVKH&CN như: quy định cụ thể việc xác định NVKH&CN; đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện NVKH&CN; xây dựng CSDL quốc gia về NVKH&CN,…. Tuy nhiên, để có thể triển khai những quy định của Luật KH&CN trong thực tiễn cần thiết phải sớm ban hành các văn bản hướng dẫn theo hướng cụ thể hóa để có thể triển khai rộng khắp trên quy mô cả nước một cách thống nhất. Trong đó những văn bản này cần làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm đối với từng cấp quản lý trong khai thác và sử dụng thông tin về NVKH&CN trong việc xác định NVKH&CN, thực hiện nhiệm vụ và triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trong từng giai đoạn thực hiện cần có những quy định cụ thể, chi tiết, đảm bảo tính trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đặc biệt là trong quá trình xác định NVKH&CN. Mặt khác, để các văn bản pháp luật thực sự đi vào đời sống, cần có những chế tài cụ thể.

Bên cạnh những văn bản quy định trực tiếp đến công tác thu thập, cung cấp và sử dụng thông tin về các NVKH&CN cũng cần có những quy định và cơ chế liên quan khác như quy định về lưu giữ thông tin về NVKH&CN,… Khoản 1 Điều 7, Nghị định số 111/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia năm 2001 quy định: *"Tài liệu hành chính, tài liệu nghiên cứu khoa học, ứng dụng KH&CN, tài liệu xây dựng cơ bản: sau mười năm, kể từ năm tài liệu được giao nộp vào lưu trữ hiện hành của các cơ quan, tổ chức ở trung ương; sau năm năm, kể từ năm tài liệu được giao nộp vào lưu trữ hiện hành của các cơ quan, tổ chức ở địa phương"* [4]. Tuy nhiên, Luật KH&CN năm 2013 đã sử dụng cụm từ "Lưu giữ" thay cho "Lưu trữ", vì thế các văn bản hướng dẫn cần quán triệt quan điểm này.

2.2. Sử dụng công cụ thông tin phục vụ xác định nhiệm vụ, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện NVKH&CN

Để có cơ sở khoa học vững chắc khi đưa ra quyết định phê duyệt NVKH&CN, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện

NVKH&CN, nhà quản lý cần được cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời trên một hệ thống thông tin bao quát và cập nhật, đó là CSDL quốc gia về NVKH&CN. Điều 11 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP quy định: *"Cơ quan nhà nước quản lý về KH&CN các cấp phải căn cứ vào thông tin về các NVKH&CN trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN để tổ chức việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện, đánh giá kết quả, xử lý vi phạm NVKH&CN sử dụng ngân sách nhà nước"*. Đặc biệt, Điều này cũng quy định rõ: *"Kết quả tra cứu thông tin về các NVKH&CN là một trong những tài liệu trong hồ sơ xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp NVKH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân thực hiện, đánh giá kết quả, xử lý vi phạm về thực hiện NVKH&CN"* [3]. Những quy định trên cần được thể hiện trong những văn bản hướng dẫn liên quan đến xác định và phê duyệt NVKH&CN để góp phần vào việc hạn chế sự trùng lặp trong nghiên cứu tại các cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) cho nghiên cứu khoa học.

2.3. Tăng cường công tác thu thập thông tin về NVKH&CN

Thông tin về NVKH&CN bao gồm ba dạng thông tin chủ yếu, đó là: thông tin về NVKH&CN đang tiến hành, thông tin về kết quả thực hiện NVKH&CN và thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện NVKH&CN trong thực tiễn. Để có thể phát triển hệ thống thông tin quốc gia có khả năng bao quát được toàn bộ nguồn thông tin về NVKH&CN trên toàn quốc, cần phải triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ liên quan, trong đó, việc tạo dựng hành lang pháp lý là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu quyết định hiệu quả của hệ thống thông tin về NVKH&CN.

Vấn đề báo cáo về NVKH&CN đang trong giai đoạn tiến hành đã được quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật KH&CN năm 2013 như sau: *"Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ KH&CN về việc phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện NVKH&CN để tổng hợp, đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN"* [1]. Nhằm cụ thể hóa quy định này của Luật, Điều 6 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP quy định rõ: *"các NVKH&CN các cấp có sử dụng NSNN, trong thời hạn 30 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng thực hiện NVKH&CN, cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ các cấp có trách nhiệm xử lý thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN*" [3].

Đối với kết quả thực hiện NVKH&CN, Điều 39 Luật KH&CN năm 2013 quy định như sau: "*Kết quả thực hiện NVKH&CN sử dụng NSNN phải được đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin KH&CN quốc gia và tại cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương chủ quản"* [1]. Nhằm cụ thể hóa nội dung này của Luật, Điều 7 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP đã quy định rõ các đối tượng phải đăng ký, giao nộp, các thông tin cần giao nộp và thẩm quyền đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện NVKH&CN. Theo đó, NVKH&CN có sử dụng NSNN trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi được nghiệm thu chính thức phải được đăng ký và lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện các NVKH&CN.

Nhằm tăng cường công tác lưu giữ

NVKH&CN, điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP đã quy định: *"Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN quốc gia là cơ quan có thẩm quyền về đăng ký kết quả thực hiện NVKH&CN đặc biệt, NVKH&CN cấp quốc gia và cấp bộ; lưu giữ kết quả thực hiện NVKH&CN đặc biệt, NVKH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở"* [3] thay vì chỉ lưu giữ NVKH&CN cấp Nhà nước và cấp Bộ như trước đây.

Thông tin về kết quả ứng dụng các NVKH&CN, khoản 1 Điều 40 Luật KH&CN năm 2013 quy định: *"Đối với NVKH&CN sử dụng NSNN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện NVKH&CN do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ KH&CN"* [1]. Nhằm cụ thể hóa nội dung này, Điều 9 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP về hoạt động thông tin KH&CN đã quy định rõ trách nhiệm cung cấp thông tin về ứng dụng kết quả thực NVKH&CN như sau: *"Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng các NVKH&CN do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng về Bộ KH&CN"*. Khoản 5 Điều này cũng quy định: *"Các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo kết quả ứng dụng NVKH&CN, đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN, tổng hợp và công bố trên cổng thông tin điện tử của mình"* [3] .

Vấn đề khai thác và sử dụng thông tin về NVKH&CN, bên cạnh những quy định về trách nhiệm công bố công khai, cung cấp miễn phí thông tin thư mục về các NVKH&CN tại các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN, Nghị định cũng quy định cụ thể về hình thức khai thác, đối tượng, phạm vi khai thác và sử dụng theo hướng phát huy tối đa quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân đối với NVKH&CN được tạo ra bằng NSNN.

Như vậy, việc thu thập cả ba dạng thông tin liên quan đến NVKH&CN đã được quy định tại Luật KH&CN năm 2013 và cụ thể hóa tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP về hoạt động thông tin KH&CN. Tuy nhiên để cụ thể hóa các quy định trên cần thiết phải xây dựng và ban hành những thông tư hướng dẫn. Hiện tại, Bộ KH&CN đang nghiên cứu xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết Nghị định số 11/2014/NĐ-CP về hoạt động thông tin KH&CN, đặc biệt tập trung vào các vấn đề lớn như: công tác thu thập thông tin về NVKH&CN đang tiến hành, đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện NVKH&CN, thu thập thông tin về kết quả ứng dụng thực tiễn NVKH&CN, vấn đề xây dựng và phát triển CSDL quốc gia,…. Dự kiến trong năm 2014 sẽ hoàn thiện toàn bộ các văn bản hướng dẫn có liên quan đến thông tin về NVKH&CN.

Bên cạnh đó, để xây dựng và phát triển hệ thống có hiệu quả, cần có sự đầu tư thỏa đáng về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị và công nghệ đáp ứng yêu cầu cho một hệ thống thông tin quy mô quốc gia tập hợp toàn bộ

thông tin về NVKH&CN trong cả nước phục vụ cho công tác quản lý, nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động kinh tế - xã hội khác của cả cộng đồng một cách đầy đủ, chính xác và thuận tiện nhất.

2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về nhiệm vụ KH&CN

Hệ thống thông tin quốc gia với các CSDL quốc gia về NVKH&CN là mục tiêu quan trọng cần hướng tới nhằm xây dựng một hệ thống đủ mạnh để lưu giữ, phục vụ thông tin cho mọi đối tượng, trong đó chủ yếu là nhà quản lý và nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, Hệ thống này có phát huy được hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác tuyên truyền, phổ biến đến các đối tượng người dùng tin. Đặc biệt, trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ của công nghệ mạng như hiện nay, Hệ thống này cần được biết đến như một công cụ không thể thiếu trong hoạt động của nhà quản lý và nhà nghiên cứu. Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến loại hình thông tin này cần kết hợp nhiều biện pháp, trên nhiều loại hình thông tin đại chúng và trên phạm vi rộng. Trong giai đoạn trước mắt, cần áp dụng mạnh mẽ các biện pháp hành chính như việc quy định kết quả tra cứu thông tin về NVKH&CN là một thành phần trong hồ sơ xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp NVKH&CN sử dụng NSNN tại Điều 11 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP về hoạt động thông tin KH&CN. Theo đó, những quy định bắt buộc trong hệ thống các cơ quan nhà nước, đối với NVKH&CN sử dụng NSNN sẽ tạo nên sức lan tỏa đến cộng đồng nghiên cứu nói chung, khi đó Hệ thống sẽ được biết đến như một công cụ không thể thiếu không chỉ dành cho hoạt động quản lý, hoạt động nghiên cứu khoa học mà còn phục vụ học tập, nâng cao kiến thức cho cộng đồng nói chung.

3. Kết luận

Công tác quản lý nhà nước đối với thông tin về NVKH&CN đóng vai trò hết sức quan trọng và có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công trình nghiên cứu, uy tín của nhà khoa học và hiệu quả ứng dụng khoa học vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý, hoạt động thu thập, lưu giữ và phổ biến thông tin về NVKH&CN đã được cải thiện đáng kể. Hành lang pháp lý trong quản lý nhà nước đối với thông tin về NVKH&CN từng bước được củng cố và đi vào thực tiễn. Luật KH&CN năm 2013 và những văn bản hướng dẫn đã bước đầu đã tạo ra được hành lang vững chắc đối với toàn bộ quá trình từ xác định NVKH&CN đến ứng dụng kết quả NVKH&CN vào đời sống. Hệ thống thông tin về NVKH&CN đang trong giai đoạn tiến hành và kết quả thực hiện NVKH&CN bước đầu được hình thành và đã phục vụ đắc lực cho công tác quản lý, nghiên cứu khoa học cũng như phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Mặc dù vậy, để cho thông tin về NVKH&CN thực sự trở thành công cụ không thể thiếu trong hoạt động quản lý, nghiên cứu khoa học và trong các hoạt động kinh tế - xã hội khác, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Đảm bảo đầy đủ căn cứ pháp lý và những cơ chế liên quan phù hợp, có sự phân cấp về trách nhiệm rõ ràng đối với tổ chức và cá nhân tham gia với những quy định và hướng dẫn chi tiết cho tất cả các cấp bộ, ngành và địa phương trong cả nước;

- Ở mỗi cấp cần thực hiện đầy đủ chế độ

báo cáo, cung cấp thông tin về NVKH&CN đang tiến hành, đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện NVKH&CN và báo cáo đầy đủ, kịp thời về hiệu quả ứng dụng NVKH&CN vào thực tiễn;

- Có sự đầu tư phù hợp về nhân lực, tài chính, trang thiết bị và công nghệ để phát triển hệ thống thông tin quốc gia, đặc biệt là Cơ sở dữ liệu quốc gia về NVKH&CN đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng người dùng tin trong cả nước;

- Phát huy tối đa tinh thần trách nhiệm của cá nhân tham gia xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, phê duyệt và thực hiện các NVKH&CN, tổ chức và cá nhân trực tiếp thực thi thủ tục hành chính liên quan đến NVKH&CN, đặc biệt là tinh thần vì sự nghiệp của nhà khoa học;

- Xây dựng cơ chế khai thác, sử dụng thông tin về NVKH&CN phù hợp, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân đối với NVKH&CN; quyền của tổ chức, cá nhân sở hữu NVKH&CN theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra ở mỗi cấp và có các chế tài phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định khi xác định NVKH&CN; chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về NVKH&CN đang tiến hành; đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện NVKH&CN; báo cáo tình hình ứng dụng kết quả NVKH&CN trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Luật KH&CN Số 29/2013/QH13.

2. Luật KH&CN số 21/2000/QH10.

3. Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 28/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN.

4. Nghị định Số 111/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia.

5. Công văn Số 1768/BKCN-KHTH ngày 14/6/2013 của Bộ KH&CN về việc cung cấp thông tin phục vụ đại biểu Quốc hội.

6. Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16/3/2007 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

7. Thông tư số 04/2011/TT-BKHCN ngày 20/4/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN.

8. Thông tư 13/2012/TT-BKHCN ngày 26/6/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc sửa đổi Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ kèm theo Quyết định 03/2007/QĐ-BKHCN sửa đổi theo Thông tư 04/2011/TT-BKHCN.

9. Quyết định Số 809 QĐ/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc giao nhiệm vụ "Xây dựng Hệ thống thông tin nghiên cứu và phát triển Việt Nam".

10. Phan Huy Quế và những người khác. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển công tác thông tin, thư viên và thống kê KH&CN Việt Nam đến năm 2020. Báo cáo Đề tài nghiên cứu cấp bộ. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Hà Nội, 2011.

11. Cục Thông tin KH&CN quốc gia. Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ "Xây dựng Hệ thống thông tin nghiên cứu và phát triển". Hà Nội, 2013.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-01-2014; Ngày phản biện đánh giá: 10-4-2014; Ngày chấp nhận đăng: 06-5-2014).